

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí
cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản
gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc
hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị
định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội
đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-
BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một
số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng
nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

Xét Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp lệ phí: Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

b) Tổ chức thu lệ phí: Bộ phận Một cửa theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp xã; Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Điều 2. Đối tượng miễn nộp lệ phí

1. Cá nhân thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Cá nhân ở nông thôn khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất tại nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Mức thu lệ phí

1. Mức thu lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
A	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
I	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với tổ chức		
a	Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất	Đồng/Giấy chứng nhận (GCN)	100.000
b	Trường hợp có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Đồng/GCN	500.000
c	Trường hợp chỉ có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đồng/GCN	500.000
2	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư		
a	Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất		
	Thửa đất tại các phường	Đồng/GCN	30.000
	Thửa đất tại các xã và đặc khu	Đồng/GCN	20.000
b	Trường hợp có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất		
	Thửa đất tại các phường	Đồng/GCN	100.000
	Thửa đất tại các xã và đặc khu	Đồng/GCN	75.000
c	Trường hợp chỉ có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Thửa đất tại các phường	Đồng/GCN	75.000
	Thửa đất tại các xã và đặc khu	Đồng/GCN	60.000
II	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất		
1	Đối với tổ chức	Đồng/GCN	50.000
2	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư		
a	Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất	Đồng/GCN	20.000
b	Trường hợp có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Đồng/GCN	40.000
c	Trường hợp chỉ có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đồng/GCN	40.000
B	Trích lục bản đồ địa chính; văn bản; số liệu hồ sơ địa chính		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Đối với tổ chức	Đồng/văn bản	30.000
II	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư	Đồng/văn bản	10.000

2. Mức thu lệ phí khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 0 đồng.

Điều 4. Kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

1. Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh. Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu lệ phí của tổ chức thu lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Nộp lệ phí bằng tiền mặt cho tổ chức thu lệ phí.

2. Tổ chức thu lệ phí kê khai, nộp lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo tháng theo quy định của pháp luật. Định kỳ hàng tháng, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu được vào tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách hoặc nộp lệ phí vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước.

3. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 8 năm 2025.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết, điều, khoản và nội dung sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Khoản 2 Điều 1 và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV
- Lưu: VT, Cthdnd(Ttka).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tuy